

Bản án số: 106/2023/DS-PT
Ngày: 16-9-2023
V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Liên**;
Ông **Nguyễn Hữu Thịnh**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Thị Bích Cẩm** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam:** Bà **Nguyễn Thị Hà**
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2023/TLPT-DS ngày 20 tháng 6 năm 2023 về “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2023/DS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 75A/2023/QĐ-PT ngày 18 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: khối phố Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: bà **Thân Thị Thanh T**, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 355 đường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: bà **Bùi Thị N**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 17 đường T, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông **Lê Văn Đ** là Luật sư của Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Huỳnh Thị P;
- Ông Huỳnh Đức H;
- Ông Bùi Văn L;
- Ông Bùi Minh M;
- Ông Trần Thanh H1;
- Bà Huỳnh Thị D;
- Bà Đặng Thị Lệ T.

Cùng địa chỉ: khối phố Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Bà P có mặt; ông H, ông L, ông M, ông H1, bà D, bà T có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1962.

Địa chỉ: khối phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bà Thân Thị Liên T1.

Địa chỉ: Số 32 đường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Vũ Thị Tô U, sinh năm 1962.

Địa chỉ: khối phố M, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Trần Thị Thanh T2, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 19 đường X, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 28 đường X, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Đ;
- Bà Thân Thị Tuyết M1.

Cùng địa chỉ: khối phố M, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Bà Đ có mặt, bà M1 có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Huỳnh Ngọc D;
- Bà Nguyễn Thị Bích Đ1;
- Bà Huỳnh Thị N1.

Cùng địa chỉ: khối phố M, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Ông D, bà Đ1, bà N1 có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Huỳnh Thị H1.

Địa chỉ: Số 17 đường T, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng

mặt.

- Bà Bùi Thị Xuân N3, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Khối B, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

- Ông Huỳnh T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: khối phố Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh T: bà Nguyễn Thị Tuyết S là Luật sư tham gia trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

4. Người làm chứng:

- Bà Thân Thị Thu M2, sinh năm 1968.

Địa chỉ: khối phố M, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Bà Dương Thị Sanh K1, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 132 đường N, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1968.

Địa chỉ: khối phố Đ, phường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 86 đường T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

5. Người kháng cáo: nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, bị đơn bà Bùi Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh T.

NỘI D V U Á N:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Thân Thị Thanh T trình bày:

Trước đây, giữa bà Nguyễn Thị M và bà Bùi Thị N có quen biết nên bà M, bà N có tham gia chơi biêu trong 02 năm 2010 và 2011. Vì tin tưởng bà N nên tất cả các chân biêu bà N hốt, bà M là người cho bà N mượn tiền và đã đóng biêu chết giúp bà N; tổng số tiền bà M đóng giúp bà N là 1.115.000.000 đồng, nhưng sau đó bà N không trả lại cho bà M số tiền này. Cụ thể như sau:

1. Biêu do bà Thân Thị Thu M2 làm chủ cái:

- Trong năm 2010: cả hai tham gia chơi 03 chân biêu, trong đó:

+ Biêu 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*), ngày mở biêu là ngày 01 tháng 02 năm 2010, gồm 11 người chơi là: 1. Phương; 2. Phương; 3. N – Hốt kỳ 1; 4.

Diễn; 5. Định; 6. Phương; 7. Phương; 8. Tâm; 9. M; 10. M; 11. M. Bà N hốt: 22.000.000đ; Bà M đóng: 22.000.000đ;

+ Biếu 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Ngày 15 tháng 2 năm 2010, gồm 11 người chơi là: 1. N – Kỳ 4; 2. N – Kỳ 5; 3. N – Kỳ 6; 4. M; 5. M; 6. M; 7. Tuấn; 8. Lộc; 9. H; 10. Chín; 11. M2. Bà N hốt: 33.000.000đ; Bà M đóng: 33.000.000đ.

+ Biếu 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Ngày 5 tháng 4 năm 2010, gồm 12 người chơi là: 1. M; 2. M; 3. M; 4. M; 5. N; 6. L; 7. Thúy; 8. H; 9. T; 10. Thủy; 11. M2; 12. Tuyết. Bà N hốt: 36.000.000đ; Bà M đóng: 36.000.000đ.

Tổng cộng năm 2010 bà M đóng giúp 91.000.000 đồng.

- Trong năm 2011: cả hai tham gia chơi 06 chân biếu, trong đó:

+ Biếu 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Ngày 20 tháng 1 năm 2011, gồm 12 người chơi là: 1. Hộ; 2. Trang; 3. M2; 4. Tuấn; 5. Hà; 6. N – Hốt kỳ 6; 7. N1; 8. Hoa Long; 9. KH1; 10. M; 11. M; 12. M. Bà N hốt: 9.950.000đ; Bà M đóng: 8.000.000đ;

+ Biếu 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Ngày 14 tháng 1 năm 2011, gồm 12 người chơi là: 1. Định; 2. Phương; 3. T2; 4. Lan; 5. Cảnh; 6. Tuấn; 7. Chi Đá; 8. M; 9. Thủy; 10. Phương; 11. N – 1 chân hốt kỳ 1; 12. Cô Cúc. Bà N hốt: 27.000.000đ; Bà M đóng: 24.000.000đ;

+ Biếu 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Ngày 16 tháng 1 năm 2011, gồm 12 người chơi là: 1. N – Hốt kỳ 1; 2. Thủy; 3. H; 4. Hiền Vy; 5. Tiên; 6. Lan Niệm; 7. Hoa Hân; 8. M; 9. N1; 10. Giang; 11. Phương; 12. Phương. Bà N hốt: 27.600.000đ; Bà M đóng: 24.000.000đ;

+ Biếu 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Ngày 21 tháng 3 năm 2011, gồm 10 người chơi là: 1. Thúy Kỳ; 2. T Cường; 3. Tuấn; 4. N – Hốt kỳ 1; 5. Cảnh; 6. M; 7. M; 8. Định; 9. N – Hốt kỳ 1; 10. M, Bà N hốt: 47.000.000đ; Bà M đóng: 36.000.000đ;

+ Biếu 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng*). Ngày 7 tháng 9 năm 2011, gồm 15 người chơi là: 1. H; 2. Cường; 3. N – Hốt kỳ 4; 4. N – Hốt kỳ 3; 5. Tỉnh; 6. Phương; 7. Phương; 8. Chi Đá; 9. M; 10. M; 11. M; 12. M; 13. M; 14. M; 15. M. Bà N hốt: 94.500.000đ; Bà M đóng: 64.000.000đ;

+ Biếu 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Ngày 20 tháng 1 năm 2011, gồm 11 người chơi là: 1. Cảnh; 2. Triều; 3. Phương; 4. Nguyệt; 5. Chi Định; 6. N – Hốt kỳ 2; 7. Ánh; 8. Mai; 9. Tuyền; 10. M; 11. M. Bà N hốt: 17.600.000đ; Bà M đóng: 16.000.000đ.

Tổng cộng năm 2011 bà M đóng giúp 172.000.000đ.

Như vậy, cộng cả hai năm, bà M cho bà N mượn tiền và đóng giúp bà N là 263.000.000đ.

2. Biếu do bà Dương Thị Sanh K1 làm chủ cái:

- Trong năm 2010: cả hai tham gia chơi 04 chân biếu, trong đó:

+ 02 bát Biêu 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Ngày 10 tháng 1 năm 2010, gồm 12 người chơi; Bà N hốt: 96.000.000đ; Bà M đóng: 93.000.000đ.

+ Biêu 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Ngày 6 tháng 3 năm 2010, gồm 12 người chơi; Bà N hốt 1 chân: 36.000.000đ; Bà M đóng: 36.000.000đ.

+ Biêu 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Ngày 2 tháng 3 năm 2010, gồm 14 người chơi; Bà N hốt 1 chân: 42.000.000đ; Bà M đóng: 42.000.000đ.

Tổng cộng năm 2010 bà M đóng giúp 171.000.000đ.

- Trong năm 2011: cả hai tham gia chơi 05 chân biêu, trong đó:

+ Biêu 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Ngày 14 tháng 1 năm 2011, gồm 12 người chơi là: 1. Chị H; 2. N; 3. M; 4. Hoa; 5. N1; 6. Hạnh; 7. Hương; 8. Tuệ; 9. Tuyền; 10. Hà; 11. Hà; 12. N1. Bà N hốt: 24.000.000đ; Bà M đóng: 18.000.000đ.

+ Biêu 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Ngày 12 tháng 1 năm 2011, gồm 12 người chơi là: 1. Chị Định; 2. Chị M; 3. Bé Ly; 4. Chị Lờ; 5. Chị Vân; 6. Chị Vân; 7. Chị Huệ; 8. M; 9. N; 10. Phương; 11. Tuyền; 12. Hạ. Bà N hốt: 36.000.000đ; Bà M đóng: 27.000.000đ.

+ Biêu 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Ngày 18 tháng 1 năm 2011, gồm 12 người chơi là: 1. N; 2. N; 3. Hà; 4. Huệ; 5. Điệp; 6. N1; 7. Đ1; 8. Phương; 9. M; 10. M; 11. Hạnh; 12. Kỳ. Bà N hốt đầu tiên 2 chân là: 120.000.000đ; Bà M đóng: 90.000.000đ.

+ Biêu 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Ngày 5 tháng 6 năm 2011, gồm 12 người chơi là: 1. N; 2. N; 3. Quyên; 4. M; 5. Kim; 6. Tuấn; 7. Phương; 8. D; 9. Lành; 10. Tận; 11. Hạnh; 12. Vân. Bà N hốt: 36.000.000đ; Bà M đóng: 12.000.000đ.

+ Biêu 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Ngày 10 tháng 5 năm 2011, gồm 12 người chơi là: 1. Phương; 2. N; 3. N; 4. N; 5. Huy; 6. Mỹ; 7. M; 8. M; 9. Vân; 10. Kim; 11. Oanh; 12. Tâm. Bà N hốt: 120.000.000đ; Bà M đóng: 66.300.000đ.

Tổng cộng năm 2011 bà M đóng giúp 213.300.000đ.

Như vậy, cộng cả hai năm, bà M cho bà N mượn tiền và đóng giúp bà N là 384.300.000đ.

3. Biêu do bà Phạm Thị T2 làm chủ cái:

- Trong năm 2010: cả hai tham gia chơi 04 chân biêu, trong đó:

+ Biêu 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Ngày 20 tháng 1 năm 2010, gồm 12 người chơi: 1. Chương; 2. Tiên; 3. 7 Sơn; 4. Âm; 5. N – 1 chân; 6. T2; 7. Chương; 8. Tiên; 9. Xinh; 10. Xuyên; 11. Huệ; 12. M. Bà N hốt: 36.000.000đ; Bà M đóng: 36.000.000đ.

+ Biêu 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*). Ngày 20 tháng 1 năm 2010, gồm 12 người chơi: 1. N1 lộng; 2. H; 3. Hương; 4. Nguyệt; 5. Lê; 6. Tư cử; 7.

Lê Hiền; 8. Cương; 9. N – 1 chân; 10. T Trí; 11. M; 12. M. Bà N hót: 7.200.000đ; Bà M đóng: 7.200.000đ.

+ Biếu 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Ngày 25 tháng 1 năm 2010, gồm 12 người chơi: 1. Hà; 2. N – 1 chân; 3. N – 1 chân; 4. Vân; 5. Thương; 6. Hương; 7. 2 Tường; 8. H; 9. M; 10. M; 11. Thìn; 12. Tư. Bà N hót: 24.000.000đ; Bà M đóng: 24.000.000đ.

+ Biếu 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Ngày 15 tháng 1 năm 2010, gồm 12 người chơi là: 1. N – 1 chân; 2. N – 1 chân; 3. Nghi; 4. Hạnh; 5. Nguyệt; 6. T2; 7. Diệu Lý; 8. Xinh; 9. M; 10. M; 11. M; 12. Phụng. Bà N hót: 36.000.000đ; Bà M đóng: 36.000.000đ.

Tổng cộng năm 2010 bà M đóng giúp 103.200.000đ.

- Trong năm 2011:

+ Biếu 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Ngày 15 tháng 1 năm 2011, gồm 12 người chơi là: 1. T2; 2. Hạnh; 3. N – 1 chân; 4. N – 1 chân; 5. Nghi; 6. Phụng; 7. Nguyệt; 8. L; 9. M; 10. M; 11. Huệ; 12. Thông. Bà N hót: 48.000.000đ; Bà M đóng: 36.000.000đ.

+ Biếu 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Ngày 20 tháng 2 năm 2011, gồm 12 người chơi là: 1. N – 1 chân; 2. Tiên; 3. Lắm; 4. H; 5. M; 6. M; 7. Lộng; 8. N – 1 chân; 9. Chương; 10. Ta; 11. Thìn; 12. Lệ. Bà N hót 24.000.000đ, bà M đóng 24.000.000đ.

Tổng cộng năm 2010 bà M đóng giúp 60.000.000đ.

Như vậy, cộng cả hai năm, bà M cho bà N mượn tiền và đóng giúp bà N là 163.200.000đ.

4. Biếu do bà Bùi Thị N làm chủ cái vào năm 2011:

- Biếu 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Ngày 27 tháng 2 năm 2011, gồm 11 người chơi: 1. Nghi; 2. M2; 3. Hoa Long; 4. N; 5. N – 3 chân; 6. N; 7. Thúy; 8. M; 9. M; 10. M; 11. M. Bà N hót: 30.000.000đ; Bà M đóng: 30.000.000đ.

- Biếu 1.000.000đ (*Một triệu đồng*). Ngày 9 tháng 1 năm 2011, gồm 12 người chơi: 1. L; 2. D; 3. N1; 4. H; 5. N; 6. Uyên; 7. Hương; 8. Tỉnh; 9. Tỉnh; 10. T2 (Ái); 11. M; 12. M. Bà N hót: 11.570.000đ; Bà M đóng: 10.000.000đ.

- Biếu 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Ngày 5 tháng 5 năm 2011, gồm 8 người chơi: 1. M; 2. M; 3. T Cương; 4. N – 1 chân; 5. Nguyên; 6. Nguyên Lan; 7. H1 D; 8. Thúy N1. Bà N hót: 24.000.000đ; Bà M đóng: 15.000.000đ.

- Biếu 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Ngày 18 tháng 2 năm 2011, gồm 11 người chơi là: 1. T Cương; 2. M; 3. Định; 4. P; 5. Chi Đá; 6. N – 1 chân; 7. M; 8. H1; 9. Bạn hàng M; 10. Bạn Hàng M; 11. Bạn hàng M. Bà N hót: 26.500.000đ; Bà M đóng: 24.000.000đ.

- Biếu 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*). Ngày 14 tháng 6 năm 2011, gồm 12 người chơi là: 1. H; 2. H; 3. N – 1 chân; 4. N – 1 chân; 5. H1; 6.

Định; 7. M; 8. M; 9. Chi; 10. N1; 11. Thành; 12. H1.
57.600.000đ; Bà M đóng: 54.000.000đ.

Bà N hốt:

- Biếu 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Ngày 6 tháng 8 năm 2011, gồm 16 người chơi là: 1. H; 2. N; 3. H1; 4. M; 5. Định; 6. L; 7. Hương; 8. Chi; 9. Tỉnh; 10. Tỉnh; 11. M; 12. M; 13. M; 14. M. 15. Tư cử; 16. Tý Tuấn. Bà N hốt: 28.000.000đ; Bà M đóng: 28.000.000đ.

- Biếu 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Ngày 22 tháng 9 năm 2011, gồm 14 người chơi là: 1. H; 2. Đ1; 3. M; 4. H1; 5. Định; 6. Tỉnh; 7. Tỉnh; 8. L; 9. Hương; 10. M; 11. M; 12. Bạn hàng M; 13. Bạn hàng M; 14. Chi Đá. Bà N hốt: 23.100.000đ; Bà M đóng: 24.000.000đ.

Tổng cộng bà M cho bà N mượn tiền và đóng giúp 185.000.000đ.

5. Biếu do bà Nguyễn Thị K làm chủ cái vào năm 2011:

Gồm 12 người chơi. Bà K không cung cấp danh sách. Biếu 2.000.000 đồng, bà N chơi 02 chân, bà M 02 chân, hốt biếu và đưa cho bà N. Tổng cộng bà N hốt biếu số tiền là: 96.000.000 đồng. Bà M cho bà N mượn tiền để đóng biếu chết giúp bà N số tiền là: 96.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà M vay của nhiều người để cho bà N mượn và đóng biếu chết giúp bà N là 1.115.000.000 đồng; như vậy là bà N đã thu lại số tiền 400.000.000 đồng mà bà N nhờ bà M đứng tên chơi biếu giùm. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, bà M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, tuy nhiên có thay đổi về số tiền vì trước đây nguyên đơn cộng nhầm. Tại phiên tòa, bà M yêu cầu bà N hoàn trả lại cho vợ chồng bà M số tiền đã mượn là 1.115.000.000 đồng và yêu cầu bà N phải trả lãi của số tiền 1.115.000.000 đồng từ tháng 10/2011 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất 8%/năm là 660.600.000 đồng.

Đối với yêu cầu phân tố của bà N, bà M không thống nhất vì cho rằng những giấy mượn tiền này là do bà N tự viết và tự ký vào chứ không phải chữ ký, chữ viết của bà M. Kết luận giám định không có chỗ nào nói bà M nợ tiền của bà N, còn lời khai của bà M khi làm việc tại Công an thành phố Tam Kỳ, do bà M rất sợ, không đủ bình tĩnh, không đọc hết biên bản mà ký vào chứ bà M không khai là có nợ của bà N; do đó, bà M không đồng ý trả cho bà N số tiền 400.000.000 đồng.

Theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Bùi Thị N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Lê Văn Đ trình bày:

Năm 2010, bà N có chơi biếu do bà T2, bà K1, bà M2, bà K làm chủ cái và đã thanh toán xong. Năm 2011, bà N có chơi biếu với bà K1 01 chân 03 triệu, bà T2 thì khoản từ 01 đến 02 chân biếu và những chân biếu này đã thanh toán xong. Đối với bà M2, bà K làm chủ cái thì bà N không chơi, do năm 2011 bà N cầm cái biếu nên chơi ít lại. Năm 2011, bà N có cầm cái 08 bát biếu và bà M có chơi trong 08 bát biếu này, do bà N cầm cái biếu nên không có việc bà N hốt

tổng số tiền biêu là 200.810.000 đồng và bà M đóng số tiền 185.000.000 đồng. Trong 08 bát biêu này, phần lớn bà M đều đã hốt, còn một số chân biêu chưa hốt, tiền biêu chết bà M còn nợ bà N là 344.000.000 đồng. Do đó, bà N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà M, vì bị đơn và nguyên đơn có chơi biêu chung nhưng phần ai nấy đóng, biêu chết bà N chơi thì bà N đóng, bà M chơi thì bà M đóng, không có việc bà M cho bà N mượn tiền để đóng biêu chết giúp bà N như bà M trình bày. Đối với sổ biêu gốc bà N không nhớ hiện nay ở đâu, chỉ nhớ là có đưa cho bà T, những bản photo đã nộp cho Tòa án là từ sổ biêu gốc của bà N. Những người cùng chơi biêu thì bà N đã cung cấp thông tin cho Tòa án; tuy nhiên, trong những người này có nhiều người bà N không rõ thông tin khi họ bỏ đi nơi khác, vì thời gian từ lúc chơi biêu đến nay đã quá lâu.

Ngoài ra, bị đơn có yêu cầu phản tố đối với số tiền 400.000.000 đồng bà M nợ bà N, yêu cầu bà M trả số tiền 400.000.000 đồng đã mượn của bà N vào năm 2010, không yêu cầu tính lãi đối với số tiền này. Số tiền này bà N có ghi sổ lại và bà M có ký, có viết vào giấy mượn.

Theo các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Vũ Thị Tố U trình bày: do bà không có liên quan đến vụ án nên không có ý kiến gì, đồng thời đề nghị được vắng mặt trong tất cả các phiên tòa xét xử vụ án.

- Bà Thân Thị Liên T1 trình bày: năm 2010, bà có góp biêu chơi cùng bà Bùi Thị N, lúc đó không biết chơi biêu là gì, nghe bảo chơi vậy sau rút ra có lãi nên bà tin bà N mà đưa tiền cho bà N. Do thời gian lâu quá nên không biết lúc đó chơi mấy chân, trong quá trình chơi bà cũng chung được 02 lần tiền, còn lại mấy chân bà N chưa thanh toán tiền cho người chơi như bà N nói. Sau sự việc đó, bà N có tính lại tiền gốc mà bà đã đóng góp gần 30.000.000 đồng, bà N hứa sau này bà N trả, nhưng đến nay bà N vẫn chưa trả, bà đã nhiều lần ghé nhà đòi nhưng bà N nói chưa có tiền trả. Qua sự việc này, bà cũng không kiện tụng hay tranh chấp gì. Trong quá trình chơi biêu, bà chỉ biết bà N và tin bà N, còn những người chơi cùng thì bà không biết. Bà T1 xin vắng mặt.

- Bà Huỳnh Thị D trình bày: năm 2011, bà có chơi 01 chân biêu do bà Bùi Thị N cầm cái với số tiền là 1.000.000 đồng/01 tháng, qua thời gian 08 tháng bà có hốt biêu, bà N có chung tiền đầy đủ. Quá trình chơi biêu, bà chỉ biết giữa bà và bà N, còn những người chơi có liên quan thì bà không biết. Việc nợ tiền giữa bà M và bà N thì bà không biết. Bà D xin vắng mặt.

- Bà Huỳnh Thị N1 trình bày: năm 2011, bà có chơi biêu do bà Bùi Thị N cầm cái và bà N đã chồng tiền xong cho bà nên bà không còn liên quan gì nữa. Bà N1 xin vắng mặt.

- Ông Huỳnh Ngọc D trình bày: năm 2011, ông biết vợ ông chơi biêu với bà N, sau khi chơi đã thanh toán xong, vợ chồng ông không còn liên can đến nữa. Ông D xin vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị N2 trình bày: năm 2011, bà có chơi biêu do bà Bùi Thị N cầm cái, chân biêu mỗi tháng nộp 3.000.000 đồng, bà đã hót xong biêu, chân biêu có 10 người chơi, quá trình chơi biêu bà không lập sổ theo dõi. Việc nợ tiền biêu giữa bà N và bà M thì bà Nghị không biết. Bà N2 xin được vắng mặt.

- Bà Bùi Thị Xuân N3 trình bày: năm 2011, bà có chơi biêu do bà Bùi Thị N cầm cái, chân biêu mỗi tháng nộp 3.000.000 đồng, bà chơi 02 chân, trong đó chơi giùm bạn của bà là bà Lan 01 chân. Bà đã nhận tiền từ bà N 13.070.000 đồng, biêu này có 08 người chơi, do mới đóng 05 kỳ thì bà M hót biêu trước rồi bỏ đi nên chưa chốt biêu. Bà N3 xin vắng mặt.

- Ông Bùi Minh M trình bày: năm 2011, ông có chơi 02 chân biêu do bà Bùi Thị N cầm cái, 01 chân biêu mỗi tháng nộp 3.000.000 đồng; 01 chân mỗi tháng nộp 2.000.000 đồng, ông đã hót xong chân biêu 2.000.000 đồng, còn chân biêu 3.000.000 đồng ông đóng được 08 tháng. Trong quá trình chơi biêu, ông đưa tiền cho bà M về đóng cho bà N, trong quá trình chơi biêu ông chỉ biết bà N, đến tháng thì ông đưa tiền cho bà M, còn bà M có lập sổ biêu hay không thì ông không biết. Số tiền biêu ông chưa hót thì ông tính toán sau với bà N. Ông M xin vắng mặt.

- Bà Đặng Thị Lệ T trình bày: năm 2011, bà có chơi 02 chân biêu do bà Bùi Thị N cầm cái, 01 chân biêu mỗi tháng nộp 3.000.000 đồng, bà đã đóng 39.000.000 đồng. Tháng 9/2011, bà N vỡ nợ, đến tháng 10/2011 bà qua nhà bà N đòi số tiền trên nhưng bà N vẫn không trả.

- Ông Huỳnh Đức H trình bày: năm 2011, ông có chơi 01 chân biêu do bà Bùi Thị N cầm cái, 01 chân biêu mỗi tháng nộp 1.000.000 đồng, ông đã đóng 09 kỳ là 9.000.000 đồng. Nhiều lần ông gặp bà N đòi số tiền trên nhưng bà N vẫn không trả.

- Bà Thân Thị Tuyết M2 trình bày: năm 2011, bà có chơi 01 chân biêu do bà Bùi Thị N cầm cái, 01 chân biêu mỗi tháng nộp 2.000.000 đồng, bà đã đóng 4.000.000 đồng. Năm 2012, bà N vỡ nợ, bà qua nhà bà N đòi số tiền trên nhưng bà N vẫn không trả.

- Ông Bùi Văn L trình bày: năm 2011, ông có chơi 02 chân biêu do bà Bùi Thị N cầm cái, 01 chân biêu mỗi tháng nộp 3.000.000 đồng, ông đã đóng 09 chân; 01 chân mỗi tháng nộp 2.000.000 đồng, ông đã đóng đến tháng thứ 02, ông chưa hót chân biêu nào. Ông được bà N mời chơi biêu, vì là chị em quen biết nên đến tháng ông đưa tiền cho bà N, ông không biết những người cùng chơi là những người nào. Bà N không hợp biêu, chỉ nói ngày nộp biêu. Khi nộp biêu, bà N không ghi sổ và ông cũng không ghi sổ. Ông không biết bà N có lập sổ biêu hay không.

- Bà Huỳnh Thị H trình bày: năm 2011, bà có chơi 04 chân biêu do bà Bùi Thị N cầm cái, 01 chân biêu mỗi tháng nộp 2.000.000 đồng; 02 chân mỗi tháng nộp 3.000.000 đồng; bà không nhớ đã nộp bao nhiêu tháng, bà chưa hót chân biêu nào. Bà được bà N mời chơi biêu, vì là bạn bè thân thiết nên đến tháng bà đưa tiền cho bà N, bà không biết những người cùng chơi là những người nào. Bà

N không hợp biếu, chỉ nói ngày nộp biếu. Khi nộp biếu, bà N không ghi sổ và bà cũng không ghi sổ. Bà không biết bà N có lập sổ biếu hay không.

- Bà Huỳnh Thị P trình bày: năm 2011, bà có chơi 02 chân biếu do bà Bùi Thị N cầm cái, mỗi tháng nộp 3.000.000 đồng cho mỗi chân; bà đã đóng 01 chân biếu được 08 tháng và 01 chân biếu được 09 tháng, bà chưa hót chân biếu nào. Đến tháng, bà đưa tiền cho bà N, bà không biết những người cùng chơi là những người nào. Bà N không hợp biếu, chỉ nói ngày nộp biếu. Khi nộp biếu, bà N không ghi sổ và bà cũng không ghi sổ. Bà không biết bà N có lập sổ biếu hay không.

- Bà Trần Thị Thanh T2 trình bày: năm 2011, bà có chơi 01 chân biếu 1.000.000 đồng do bà Bùi Thị N cầm cái, mỗi tháng nộp 800.000 đồng, có tháng nộp 750.000 đồng; bà đã đóng được 08 tháng thì bà N vỡ nợ, khi bà khởi kiện thì bà N đồng ý trả nợ cho bà. Đến tháng, bà đưa tiền cho bà N, bà không biết những người cùng chơi là những người nào. Việc bà M có cùng chơi chung hay không thì bà không biết. Khi nộp biếu, bà N không ghi sổ và bà cũng không ghi sổ. Bà không biết bà N có lập sổ biếu hay không.

- Bà Nguyễn Thị Đ trình bày: năm 2011, bà có chơi 02 chân biếu 3.000.000 đồng do bà Bùi Thị N cầm cái, bà đã đóng đủ tiền biếu cho bà N nhưng chưa hót biếu. Khi bà khởi kiện thì bà N đồng ý trả nợ cho bà và đã trả xong. Đến tháng, bà đưa tiền cho bà N, có yêu cầu bà N viết giấy. Bà có biết việc bà M cùng chơi biếu chung, mỗi bát biếu bà M đứng tên từ 02 đến 03 chân và một số người khác. Bà N có hợp biếu nhưng mỗi lần hợp biếu chỉ có vài người chơi cùng tham gia, còn những người khác không có. Trong quá trình chơi biếu, bà có cho bà M mượn 20 triệu đồng để đóng tiền biếu cho bà N.

- Bà Huỳnh Thị Ánh H1 không có lời trình bày và có đơn xin vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Bích Đ1 và ông Trần Thanh H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án nên không có lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh T là bà Nguyễn Thị Tuyết S trình bày: bà thống nhất như ý kiến của nguyên đơn trình bày, yêu cầu bị đơn trả cho vợ chồng bà M, ông T số tiền 1.115.000.000 đồng mà bà M đã cho bà N mượn và đóng tiền biếu chết giúp cho bà N, vì số tiền này là tiền bà M mượn của người khác và tiền của vợ chồng bà M nên yêu cầu bà N phải trả lãi của số tiền 1.115.000.000 đồng từ tháng 10/2011 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất 8%/năm là 660.600.000 đồng.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2023/DS-ST ngày 10/5/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 155, 401, 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” với bị đơn bà Bùi Thị N.

Buộc bà Bùi Thị N phải có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị M và ông Huỳnh T số tiền 108.000.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu bà Bùi Thị N phải trả cho vợ chồng bà M đối với số tiền nợ gốc còn lại là 1.007.000.000 đồng và tiền lãi 660.600.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn bà Bùi Thị N về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản” với nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

Buộc bà Nguyễn Thị M phải có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị N số tiền 200.000.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà Bùi Thị N số tiền 200.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào các ngày 22 và 24 tháng 5 năm 2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M (*do bà Thân Thị Thanh T là người đại diện theo ủy quyền*), bị đơn bà Bùi Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến: đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ, gồm: tiến hành lấy lời khai của bà Thọ, thu thập bản ghi âm, biên bản ghi xác nhận nội dung ghi âm hợp pháp vì biên bản nguyên đơn cung cấp là bản photo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên kháng cáo, bị đơn bà Bùi Thị N không rút đơn phản tố và giữ nguyên kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh T giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Kiểm sát viên đề nghị tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ, nhưng Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không cần thiết nên không chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, bị đơn bà Bùi Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh T thì thấy:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về việc buộc bà Bùi Thị N phải hoàn trả lại những khoản tiền mà bà M đã cho bà N mượn để đóng tiền biếu chết giúp bà N là 1.115.000.000 đồng:

Đối với các chân biếu do bà Thân Thị Thu M2 làm chủ cái trong 02 năm 2010 và 2011, bà M và bà N đều thừa nhận có chơi trong các chân biếu này. Bà M cho rằng, bà M đã đóng tiền biếu chết giúp cho bà N tổng cộng là 263.000.000 đồng; tuy nhiên, bà N không thừa nhận việc này và cho rằng giữa bà N và bà M phần ai người nẩy hốt biếu và đóng biếu chết, không có liên quan gì đến nhau. Chủ cái biếu là bà Thân Thị Thu M2 thì cho rằng toàn bộ tiền biếu do bà N hốt và bà M là người đóng biếu chết cho bà N. Theo các giấy tờ ghi chép để theo dõi các chân biếu do bà M2 cung cấp, thì thấy: tại chân biếu 3.000.000 đồng ngày 16.01 âm lịch 2011 bà M2 có ghi “M đóng cho N (24.000.000)”; tại chân biếu 3.000.000 đồng ngày 22.3 âm lịch 2011 bà M2 có ghi “M đóng cho N 36.000.000”; tại chân biếu 2.000.000 đồng ngày 20.01 âm lịch 2011 bà M2 có ghi “M đóng cho N (16.000.000)”; tại chân biếu 3.000.000 đồng ngày 14.01 âm lịch 2011 bà M2 ghi “M đóng cho N (24.000.000)”; tại chân biếu 1.000.000 đồng ngày 20.01 âm lịch 2011 bà M2 có ghi “M đóng cho N (8.000.000)”. Ngoài ra, các giấy tờ ghi chép để theo dõi các chân biếu này, không có bất kỳ chữ viết hay chữ ký nào của bà N thể hiện việc bà M đóng tiền biếu chết giúp cho bà N. Trong các giấy tờ ghi chép để theo dõi các chân biếu do bà M2 làm chủ biếu trong năm 2010 cũng không thể hiện nội dung bà N thừa nhận việc bà M đóng giúp tiền biếu chết cho bà N. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm, bà M2 thừa nhận việc ghi nội dung “M đóng cho N” trong giấy tờ ghi chép theo dõi các chân biếu năm 2011 là do bà M2 mới ghi sau này, nhằm tạo điều kiện cho bà M đi kiện đòi tiền bà N. Xét thấy, lời khai này của bà M2 phù hợp với tài liệu, chứng cứ do Tòa án cấp phúc thẩm thu thập tại hồ sơ vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 60/2015/TLPT-DS ngày 13/10/2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam giữa nguyên đơn bà Thân Thị Thu M2 và bị đơn bà Bùi Thị N, đó là các giấy tờ ghi chép theo dõi các chân biếu của bà M2 vào năm 2011 không có nội dung “M đóng cho N” như giấy tờ ghi chép theo dõi các chân biếu của bà M2 vào năm 2011 do bà M2 và bà M cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm có trong hồ sơ vụ án này. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào chữ viết của bà M2 trong các giấy tờ ghi chép theo dõi các chân biếu để cho rằng bà M có đóng tiền biếu chết giúp cho bà N và buộc bà N trả cho bà M số tiền 108.000.000 đồng, trong khi bà N không thừa nhận là không có cơ sở. Hơn nữa, trước đây giữa bà M2 và bà N cũng đã xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp đối với các chân biếu do bà M2 làm chủ cái, dẫn đến bà M2 khởi kiện bà N tại Tòa án nên không thể dùng lời khai của bà M2 để làm chứng cứ xác định bà M có đóng tiền biếu chết giúp cho bà N.

Đối với các chân biếu do bà Dương Thị Sanh K1, bà Phạm Thị T2, bà Nguyễn Thị K, bà Bùi Thị N làm chủ biếu, ngoài lời khai của bà K1 cho rằng bà M có đóng biếu chết giúp cho bà N, không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh bà M có đóng tiền biếu chết giúp cho bà N và bà N cũng không thừa nhận việc này. Hơn nữa, cũng giống như bà M2, trước đây giữa bà K1 và bà N cũng

đã xảy ra mâu thuẫn, tranh chấp đối với các chân biếu do bà K1 làm chủ cái dẫn đến bà K1 khởi kiện bà N tại Tòa án nên không thể dùng lời khai của bà K1 để làm chứng cứ xác định bà M có đóng tiền biếu chết giúp cho bà N.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền lãi của số tiền 1.115.000.000 đồng từ tháng 10 năm 2011 cho đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất 8%/năm, tổng cộng là 660.600.000 đồng: do không có căn cứ để buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 1.115.000.000 đồng như đã nhận định ở trên nên không có cơ sở để xem xét buộc bị đơn trả tiền lãi cho nguyên đơn đối với số tiền này.

[2.3] Đối với yêu cầu phân tố của bị đơn bà Bùi Thị N về việc buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà N số tiền đã vay là 400.000.000 đồng vào năm 2010:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, bà M không thừa nhận có vay của bà N số tiền 400.000.000 đồng và cho rằng bà M không ký, không viết vào các giấy mượn tiền mà bà N cung cấp. Chỉ có lời khai của bà M tại biên bản lấy lời khai của Công an thành phố Tam Kỳ ngày 14/12/2011 bà M thừa nhận từ năm 2010 đến năm 2011 bà M có vay của bà N nhiều lần tổng cộng 400.000.000 đồng, nhưng bà M đã trả hết cho bà N. Theo Kết luận giám định số 33/KL-KTHS(TL) ngày 23/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam, thể hiện: chữ viết có nội dung “Tổng cộng 200.000.000 triệu đồng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết của Nguyễn Thị M trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người viết ra; từ chối giám định đối với chữ ký dưới từ “triệu đồng” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 do không đồng dạng với chữ ký của Nguyễn Thị M trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5; từ chối giám định đối với: chữ viết “M” bên trái dòng chữ: “T/c: 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng)”; chữ viết “M” bên trái dòng chữ: “T/c: 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng)”; chữ viết “M” ở giữa các dòng chữ: “26/9/10” và “2.000.000 (Hai triệu)”; chữ “M” và chữ ký bên phải dòng chữ: “: 20/12/10 Mượn 40.000.000 (Bốn mươi)” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị M trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do nội dung bị mờ nhòe, nên không đủ điều kiện để tiến hành giám định. Căn cứ vào kết quả giám định như đã nêu trên, chỉ thể hiện bà M có ghi dòng chữ “Tổng cộng 200.000.000 triệu đồng”; ngoài ra, không có nội dung nào khác thể hiện bà M ghi là có vay (hoặc mượn, nợ) của bà N số tiền 200.000.000 đồng; đồng thời, cũng không giám định được chữ ký trong các tài liệu cần giám định có phải của bà M hay không. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào kết quả giám định để chấp nhận một phần yêu cầu phân tố của bà N, buộc bà M phải trả cho bà N số tiền 200.000.000 đồng là không có cơ sở. Đối với số tiền 200.000.000 đồng còn lại, bà N cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phân tố của bà N là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ để chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn.

[3] Về chi phí giám định: việc trưng cầu giám định nhằm để giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn nhưng yêu cầu phản tố của bị đơn không được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền chi phí giám định là 6.632.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp (*đã nộp xong*).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: do bà Nguyễn Thị M là hộ cận nghèo, bà Bùi Thị N là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: do Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M, bị đơn bà Bùi Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh T, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 85/2023/DS-ST ngày 10-5-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 148, 161, 162, 227, 228 và 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 12, 14, 26 và 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M về việc buộc bị đơn bà Bùi Thị N trả số tiền 1.115.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 660.600.000 đồng.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn bà Bùi Thị N về việc buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trả số tiền 400.000.000 đồng.

Chi phí tố tụng: bà Bùi Thị N phải chịu số tiền chi phí giám định là 6.632.000 (*Sáu triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 6.632.000 (*Sáu triệu sáu trăm ba mươi hai nghìn*) đồng (*bà N đã nộp xong*).

Án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị M, bà Bùi Thị N được miễn. Hoàn trả lại cho bà Bùi Thị N số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009442

ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị M, bà Bùi Thị N, ông Huỳnh T không phải chịu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (16/9/2023).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND thành phố Tam Kỳ;
- Chi cục THADS thành phố Tam Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Quốc Bảo